

Số: 504/2020/QĐST-HNGĐ

C, ngày 30 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 853/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn N, sinh năm 1987; địa chỉ: Đội 12, thôn L, xã Đ, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Nguyễn P, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu phố 1, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn N và anh Nguyễn P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao các con chung tên Nguyễn B, sinh ngày 17/01/2014 và Nguyễn K, sinh ngày 09/12/2015 cho chị Nguyễn N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn B, Nguyễn Hoàng K mỗi cháu, mỗi tháng 1.500.000 (một triệu, năm trăm nghìn) đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 01/11/2020 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Nguyễn N cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng anh Nguyễn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Nguyễn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn N, anh Nguyễn P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn N tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0048190 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND xã C, huyện P, tỉnh Quảng Ngãi;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Lê Cẩm Hằng